

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

NHỮNG CỤM TỪ BẤT THƯỜNG VỀ NGỮ NGHĨA TRONG CA TỪ TRỊNH CÔNG SƠN

THE SEMANTICALLY UNUSUAL PHRASES IN TRINH CONG SON'S LYRICS

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

(Cao đẳng Hải Dương)

Abstract: Trinh Công Sơn is one of the very few Vietnamese composers having a great affect to the national music life. His songs are very popular, simple, emotional, gentle and especially charming with strange wonder of beautiful, expressive lyrics distinguished from others.

The strange wonder and attraction of Trinh's lyrics, in our opinion, is mainly made by his semantically unusual talented combinations of words.

Through surveying and analyzing 232 Trinh's love song lyrics, this article manages to decode "a strange wonder" of Trinh's lyrics with the semantically unusual talented word combinations.

Keywords: Trinh Cong Son; lyrics; Trinh's lyrics; unusual; semantic.

1. Đặt vấn đề

1.1. Trinh Công Sơn là một trong số ít các nhạc sĩ có ảnh hưởng lớn đến đời sống âm nhạc của đất nước, nhất là với lớp trẻ. Ai nghe nhạc Trinh hầu như đều bị cuốn hút bởi cái chất nhạc dân dã, bình dị nhưng uyển chuyển, thiết tha, và đặc biệt "ấm ảnh" bởi ca từ đẹp như thơ, lạ lùng, hấp dẫn không lẫn với bất kì một nhạc sĩ nào. Cái lối đặt lời ca đặc biệt ấy đã một mình lội ngược dòng để tạo nên một trường phái ca từ - âm nhạc riêng - Trinh Công Sơn.

Lí giải cho sự lạ hoá của ca từ Trinh Công Sơn có thể nói đến là do tư tưởng sáng tác của ông chịu nhiều ảnh hưởng của Đạo Phật, của Chủ nghĩa hiện sinh Phương Tây, do ông sống trong một thời kì đau thương, do những biến cố xoay vần của số phận, do tài năng thiên bẩm và tâm hồn lãng mạn, v.v. Nhưng cách giải thích rõ ràng nhất cần được xem xét dưới ánh sáng của Ngôn ngữ học: Ca từ của Trinh Công Sơn lạ và hấp dẫn bởi một phần lớn do những kết hợp bất thường về nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật.

Qua việc khảo sát 232 tình khúc (gồm những ca khúc trong tuyển tập "*Trinh Công Sơn- những bài ca không năm tháng*" [15] và một số tình khúc

khác [16]), bài viết sau đây sẽ cố gắng giải mã "vẻ đẹp lạ lùng" của ca từ Trinh Công Sơn dưới góc độ hình thức của ngôn ngữ ca từ trong các kết hợp ở cấp độ cụm từ.

1.2. Cụm từ bất thường về ngữ nghĩa là những cụm từ có hình thức cấu tạo ngữ pháp bình thường theo đúng quy luật của tiếng Việt, nhưng về mặt ý nghĩa thì có sự bất thường do sự kết hợp khác lạ của các thành tố ngữ nghĩa trong cụm từ. Chẳng hạn, các cụm từ: *tình dài, tình xa, tình nặng trĩu, tình mềm*... là những cụm từ hoàn toàn bình thường về ngữ pháp, theo kết cấu chính phụ, nhưng về ý nghĩa, đây là những cụm từ bất thường về ý nghĩa, bởi "*tình*" là một khái niệm trừu tượng thuộc về tình thần, còn "*dài*", "*xa*", "*nặng trĩu*", "*mềm*" là những đặc điểm tính chất vật lí cụ thể. Đó là hai nhóm từ ngữ thuộc các trường nghĩa khác xa nhau, bởi vậy khi kết hợp những từ ngữ trên với nhau sẽ cho ra ý nghĩa bất thường, mới lạ, độc đáo: *tình dài, tình xa, tình nặng trĩu, tình mềm* không phải là những thứ tình với các đặc tính vật lí cụ thể mà được hiểu chuyển nghĩa thành những trạng thái, những cảm nhận khác nhau về tình yêu: tình yêu vĩnh cửu, bền lâu (tình dài), tình yêu mong manh, xa xôi (tình xa), tình yêu khổ đau, ám ảnh (tình nặng trĩu), tình yêu

ngọt ngào, hạnh phúc (tình mềm). Trong các kết hợp nghĩa bất thường: *tình dài, tình xa, tình nặng trĩu, tình mềm* thì nghĩa của các từ *dài, xa, nặng trĩu, mềm* đã chuyển từ trường chỉ tính chất vật lí cụ thể sang trường chỉ các trạng thái của tình yêu, đồng thời chúng còn mang cả những ấn tượng của trường cũ sang trường chỉ trạng thái tình yêu, làm cho những trạng thái tình yêu đó cũng mang liên tưởng của trường chỉ tính chất vật lí.

“Kết hợp bất thường về nghĩa xảy ra khi các từ ngữ đi cùng nhau thuộc những trường nghĩa hoàn toàn khác nhau và không chứa nét nghĩa tương hợp nhau, gây nên những bất ngờ trong cách hiểu, làm tăng tính hình tượng, tính biểu cảm cho câu văn, câu thơ. Khi từ ngữ chuyển trường thì ngoài cái nghĩa riêng của từ ngữ, nó còn mang theo cả những ấn tượng, những liên tưởng của trường cũ sang trường mới, làm cho trường mới vốn không có những ấn tượng ấy, liên tưởng ấy trở nên cũng có những ấn tượng, liên tưởng của trường cũ.” [5; 224].

Như vậy, những kết hợp bất thường về nghĩa sẽ làm mới từ ngữ về mặt nghĩa, về hình thức kết hợp, thể hiện sự sáng tạo của người dùng, làm giàu thêm ngôn ngữ tiếng Việt một cách hiệu quả và tiết kiệm nhất.

2. Khảo sát cụ thể

Trong phạm vi tư liệu khảo sát của bài viết, có 468 cụm từ bất thường về ngữ nghĩa, chiếm 89,8 % so với tổng số cụm từ bất thường mà chúng tôi tìm được. Điều này phản ánh một đặc điểm quan trọng trong sáng tác ca từ của Trịnh Công Sơn: ở cấp độ cụm từ, Trịnh Công Sơn thường làm mới ngôn ngữ không phải ở mặt hình thức ngữ pháp mà chủ yếu ở mặt nội dung ngữ nghĩa thông qua những cách kết hợp độc đáo, mới lạ. Qua những kết hợp bất thường về nghĩa của ca từ ở những ngữ cảnh khác nhau trong các tình khúc, Trịnh Công Sơn cung cấp thêm nhiều nghĩa mới cho những từ đã cũ, làm giàu thêm cho vốn từ mà không cần tạo ra từ ngữ mới.

Trong ca từ Trịnh Công Sơn, những kết hợp bất thường về nghĩa thường xảy ra giữa phần trung tâm với phần phụ sau của cụm từ. Sau đây là những phân tích cụ thể.

2.1. Cụm danh từ

Trong phạm vi tư liệu khảo sát, chúng tôi thống kê được 255 cụm danh từ bất thường về nghĩa, chúng tôi tạm phân chia theo danh từ trung tâm thành 10 nhóm:

- Danh từ trừu tượng (*tình, hồn, đời*),
- Danh từ chỉ bộ phận cơ thể (*mắt, môi, vai, tóc, tim, tay, da...*),
- Danh từ chỉ thời gian (*ngày, đêm, chiều, sáng, thu, đông, xuân, hạ*),
- Danh từ chỉ các hiện tượng thời tiết (*nắng, mưa, gió, mây, sương*),
- Danh từ chỉ không gian hẹp (*đường, phố, vườn, vùng, nơi*),
- Danh từ chỉ thực vật (*lá, hoa, nụ, cành, cây, trái, hạt...*),
- Danh từ chỉ âm thanh (*lời, tiếng...*),
- Danh từ chỉ chất thể (*rượu, băng, hơi, khói, hương...*),
- Danh từ chỉ đồ vật (*áo, thảm, giường, chiếu*),
- Danh từ chỉ không gian vũ trụ (*trời, đất, đồi núi, núi rừng, mặt trời...*).

Trong đó, những nhóm có tỉ lệ kết hợp nghĩa bất thường cao là:

- Danh từ trừu tượng: *tình* (26 lần), *đời* (12), *hồn* (7),
- Danh từ chỉ bộ phận cơ thể: *mắt* (9), *môi* (6), *tay* (8), *tim* (7), *vai* (4), *tóc* (1), *da* (1), *thân* (1),
- Danh từ chỉ thời gian: *ngày* (14), *chiều* (4), *phút* (3), *đêm* (3), *xuân* (4), *hạ* (1), *thu* (1), *đông* (1),
- Danh từ chỉ hiện tượng thời tiết: *gió* (6), *nắng* (5), *mây* (5), *mưa* (4), *sương* (3),
- Danh từ chỉ thực vật: *hoa* (3), *lá* (3), *cành* (4), *cây* (3), *trái* (1), *hạt* (1), *nụ* (1),
- Danh từ chỉ không gian vũ trụ: *trời* (4), *mặt trời* (3), *đá* (1), *mặt đất* (1), *núi rừng* (1), *đồi núi* (1),
- Danh từ chỉ không gian hẹp hơn: *phố* (3), *đường* (3), *vườn* (2), *vùng* (2), *nơi* (2),
- Danh từ chỉ âm thanh: *lời* (7), *tiếng* (3),
- Danh từ chỉ chất thể: *rượu* (2), *hơi* (3), *máu* (2), *khói* (1),

- Danh từ chỉ vật thể nhân tạo: *thảm (1), giường chiếu (1), mũi đỉnh (1), tường trắng (1), chén (1), cánh diều (1),...*

Có thể thấy một thế giới sự vật hiện tượng được phản ánh qua hệ thống danh từ khá phong phú trong tình khúc Trịnh Công Sơn. Với tất cả những sự vật, hiện tượng này, Trịnh Công Sơn đều có cách gọi tên chúng một cách độc đáo, mới lạ, thú vị và sâu sắc- gọi tên, miêu tả chúng thông qua lăng kính của tình yêu và thân phận. Trong khuôn khổ bài viết này không cho phép trình bày sự độc đáo của tất cả các nhóm danh từ, của tất cả các danh từ, chúng tôi chỉ xin đi vào hai nhóm tiêu biểu có tỉ lệ nghĩa bất thường cao nhất là danh từ trừu tượng và danh từ chỉ bộ phận cơ thể.

Trước hết với nhóm danh từ trừu tượng, Trịnh Công Sơn thường tạo ra bất thường về nghĩa khi kết hợp chúng với những từ ngữ có ý nghĩa cụ thể, những từ ngữ cụ thể đó sẽ được chuyển nghĩa sang trường trừu tượng, còn những khái niệm trừu tượng sẽ trở nên gần gũi, cụ thể và sinh động.

Đầu tiên phải kể đến danh từ “**tình**”. “Tình” là một khái niệm hoàn toàn trừu tượng, người ta không thể miêu tả “tình” bằng những từ ngữ chỉ đặc điểm cụ thể. Nhưng với Trịnh Công Sơn thì khác, ông gọi tên, miêu tả tình yêu với rất nhiều trạng thái, phương diện khác nhau bằng những kết hợp bất thường về nghĩa. Đây là tình yêu mang sắc thái của niềm vui, hạnh phúc: *tình dài, tình đầy, tình sáng ngời, tình mềm, tình gần, tình reo vui, tình mới, tình tôi chấp cánh*:

- Đi trong *tình dài* có người đã tới. (Bay đi thầm lặng)

- Không xa *tình đầy* và cũng không xa lạc loài. (Đời cho ta thế)

- *Tình sáng ngời* như sao xuống từ trời. (Ta on)

- Rồi *tình vui* trong mắt

Rồi *tình mềm* trong tay.

...

Tình gần như khói mây

Tình reo vui như nắng (Tình sâu)

- Và mùa xuân nào gần ngơ *tình mới*. (Tôi ru em ngủ)

- Ru bay tà áo rộng

Vừa *tình tôi chấp cánh*. (Ru tình)

Còn đây là khía cạnh của tình yêu khổ đau: *tình phai, cuộc tình bão tố, tình nặng trĩu, tình xa, tình trầm, tình cuối, tình trần*:

- *Tình giữa chợ, tình phai* mất rồi. (Bóng không là Bóng)

- Với *những cuộc tình bão tố lênh đênh* (Vườn xưa)

- Ta ôm *tình nặng trĩu* (Yêu dấu tan theo)

- *Tình xa* như trời

...*Tình trầm* như bóng cây

- *Một lời tình cuối* vu vơ

Một ngày *tình xót xa* vừa. (Tình xót xa vừa)

- Để mùa xuân sau mưa riêng *tình sâu*

...Em hôn lên tay mình để *chưa xót tình trần*. (Tôi ru em ngủ)

Những cụm danh từ in nghiêng trên là những cụm từ bất thường về nghĩa, trong đó danh từ trừu tượng “**tình**” kết hợp với những từ chỉ đặc điểm tính chất cụ thể: *dài, đầy, sáng ngời, mềm, gần, reo vui, mới,...* *phaí, bão tố, nặng trĩu, xa,...* Những tính từ này đều được chuyển nghĩa sang trường chỉ tình yêu để chỉ các trạng thái phong phú của tình yêu, và tình yêu vì thế được biểu hiện thật đa dạng với nhiều khía cạnh tương ứng khác nhau. Trong những cách kết hợp mới mẻ ấy, Trịnh Công Sơn đã thể hiện được sự dùng từ sáng tạo và cái nhìn, cách cảm nhận đặc biệt đa dạng, tinh tế về tình yêu của mình.

Trong nhóm danh từ trừu tượng, danh từ “**đời**” cũng có tỉ lệ kết hợp bất thường về nghĩa cao với 12 lần xuất hiện. Trịnh Công Sơn thường kết hợp từ “**đời**” với những từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng cụ thể (*vực sâu, biển động, trần trời, com áo, lạnh căm*) hoặc kết hợp với một danh từ trừu tượng khác (*tình*) để tạo nên kết hợp mang nghĩa bất thường. Ví dụ:

- Trong em mặt trời khô héo

Trong em ngày ấy *vực sâu một đời*. (Có một ngày như thế)

- Mưa vẫn hay mưa cho *đời biển động*. (Diễm xưa)

- Một ngày như mọi ngày

Từng *mạch đời trần trời*. (Một ngày như mọi ngày)

- Em theo *đời com áo* (Yêu dấu tan theo)

- Những con mắt thù hận

Cho ta *đời lạnh căm*. (Những con mắt trần gian)

- *Đời tình* nuôi quên những sáng mệnh mỏng.
(Vẫn có em bên đời)

Những cụm từ: *vực sâu một đời, đời biển động, mạch đời trần trời, đời com áo, đời lạnh căm, đời tình* là những hình ảnh lạ lùng gọi nhiều liên tưởng cho người đọc về những cảm quan muôn màu về cuộc đời của Trịnh Công Sơn: cuộc đời có lúc hải hùng như vực sâu, như biển động, có lúc cô đơn buốt lạnh, có lúc tuyệt vọng khổ đau như hấp hối, có lúc trần tục tầm thường như com áo gạo tiền, lúc lại hóa thân vào tình yêu thiêng liêng cao thượng... Những suy nghĩ đa chiều về cuộc đời nói trên được Trịnh Công Sơn thể hiện qua những kết hợp từ ngữ đầy mới lạ và hấp dẫn.

Tiếp theo, một danh từ trừu tượng được Trịnh Công Sơn sử dụng khá nhiều lần trong những kết hợp nghĩa bất thường- danh từ “*hồn*”.

- Ngày mai em đi
Biển nhớ tên em gọi về
Gọi *hồn liểu* rũ lê thê
Gọi bờ cát trắng đêm khuya.

...
Hồn lẻ nghiêng vai gọi buồn
Nghe ngoài biển động buồn hơn.

(Biển nhớ)

- Ru em hoài bé dại
Một *hồn thơm cây trái*.

(Ru tình)

- Một ngày như mọi ngày
Mang nặng *hồn tả* tôi.

(Một ngày như mọi ngày)

- Ngoài sông vắng nước dâng lên *hồn muôn trùng*.

(Mưa hồng)

Bây lần xuất hiện cũng là bảy lần người nhạc sĩ họ Trịnh tạo ra cách nói lạ lùng, mới mẻ: *hồn liểu, hồn lẻ, hồn yếu đuối, hồn giấy mới, hồn tả* tôi, *hồn muôn trùng, hồn thơm cây trái*. Những cụm từ mang nghĩa bất thường trên được tạo ra do sự kết hợp giữa danh từ trừu tượng “*hồn*” với những từ chỉ sự vật cụ thể: *liểu, giấy mới, cây trái* hay những đặc điểm cụ thể: *lẻ, yếu đuối, tả* tôi, *muôn trùng*. Mỗi một cụm từ có những ý nghĩa đặc sắc riêng nhưng cái chung toát lên ở đây là cách kết hợp từ ngữ đầy sáng tạo, mang lại những cảm

nhận sâu sắc cho người đọc về cuộc đời, về con người trong tư tưởng của Trịnh Công Sơn.

Giống với danh từ trừu tượng, những danh từ cụ thể cũng thường được Trịnh Công Sơn cho kết hợp với những từ ngữ cụ thể để tạo ra kết hợp nghĩa bất thường. Chẳng hạn, những danh từ chỉ bộ phận cơ thể người (*mắt, môi, vai, tay, tóc, da, tim*) trong những tổ hợp in nghiêng sau:

- Ngủ đi em *đôi vai lựa mắt*
Ngủ đi em, *mì cong cổ mượt*
Ngủ đi em, *tay xanh ngà ngọc*

...

Ngủ đi em *đôi môi lửa cháy*
Ngủ đi em, *da thơm quả ngọt*
Ngủ đi em, *tay thôi mời mọc*
Ngủ đi em, trong tiếng ru êm.

(Em hãy ngủ đi)

- Ru mãi ngàn năm từng *ngón xuân nồng*
...Ru mãi ngàn năm từng *phiến môi mềm*.

(Ru em)

- Chiều đã đi vào *vườn mắt em*
Bàn tay xanh xao đón ưu phiền.

(Nắng thủy tinh)

- Những *mắt biếc cỏ non*

(Những con mắt trần gian)

...*Ôi tóc trăm ướp vai thơm*

- *Môi thiên đường* hót chim khuyên.

(Cho đời chút ơn)

- Ru đời đi nhé

Ôi môi ngon này giữa trần gian (Ru đời đi nhé)

Đôi tay mùa hạ phổ mưa tôi tìm. (Mưa mùa hạ)

- Tưởng rằng đã quên

Nhưng *tim yếu mềm*. (Tưởng rằng đã quên)

- Tình yêu như đốt sáng *con tim tận nguyên*.
(Tình sâu)

- Em đã đi đời có đâu ngờ

Mang *trái tim mùa xuân héo khô*. (Còn ai với ai)

- *Miệng ngọt hạt từ tâm*. (Ru tình)

Những *đôi vai lựa mắt, mì cong cổ mượt, tay xanh ngà ngọc, đôi môi lửa cháy, da thơm quả ngọt, tay mời mọc, ngón xuân nồng, phiến môi mềm, vườn mắt em, mắt biếc cỏ non, tóc trăm, vai thơm, môi thiên đường, môi ngon, đôi tay mùa hạ, tim yếu mềm, trái tim mùa xuân héo khô, miệng ngọt hạt từ tâm* là những hình ảnh ẩn dụ độc đáo

và hấp dẫn vẽ lên nhan sắc mềm mại, quyến rũ của người tình, chúng là những hình ảnh còn lưu lại lâu nhất, có sức ám ảnh ngọt ngào trong tâm trí người nghe nhạc.

Như vậy, trong cụm danh từ, Trịnh Công Sơn thường tạo ra bất thường về nghĩa bằng cách dùng những từ ngữ ở phần phụ sau nêu lên những đặc điểm, tính chất không phù hợp với đặc điểm, bản chất của sự vật, khái niệm được gọi tên ở danh từ trung tâm. Hiệu quả của nó là làm cho các từ ngữ kết hợp với danh từ trung tâm được chuyển nghĩa, ngay bản thân nghĩa của danh từ trung tâm cũng được cụ thể hoá, tạo ra những hình ảnh bất ngờ, mới lạ, hấp dẫn, làm tăng thêm tính hình tượng, tính biểu cảm cho ca từ, tạo nên sự mới mẻ, độc đáo trong hình thức diễn đạt của tình khúc Trịnh Công Sơn.

2.2. Cụm động từ

Trong phạm vi tư liệu khảo sát, có 198 lần động từ được dùng bất thường về nghĩa, trong đó, động từ chỉ trạng thái (*nhớ, buồn, ngại*) xuất hiện 5 lần, còn lại là các động từ chỉ hoạt động. Nhóm động từ hoạt động hết sức phong phú, có thể tạm thời chia thành 2 nhóm cơ bản dựa vào nghĩa của chúng trong văn cảnh: nhóm động từ có ý nghĩa tiêu cực (*bỏ, rụng, trôi, nợ, xóa, chôn, chia, giết, qua đời, trời trần, cháy, khép, tắt, đầy, rêu rao, quy hàng, vây khốn, quỳ, ngã, dỗi*), nhóm động từ có ý nghĩa tích cực và trung hòa (*nghe, gọi, ru, nhìn thấy, xin làm, chọn, dâng, ôm, mang, chặn, nín bước, vỗ tay, phơi, treo, khâu, dúi, đựng, xô dạt, thả, lừa, hót, ướp, trau chuốt, nhìn, chào, cấy, vỗ về, che, nghiêng, về, lẫn, ôm, mua, xây, tặng, hát, biết, tìm, xua tan, nhạt*). Những động từ trên trong những kết hợp nghĩa bất thường đều được chuyển nghĩa, không còn hiểu theo nghĩa gốc mà trở thành những động từ chỉ hoạt động, trạng thái của tâm tưởng, của tình thần, bởi xuất phát từ thực tế Trịnh Công Sơn luôn có xu hướng hướng nội, chìm sâu vào con người tâm tư của mình để tìm hiểu mọi góc ngách sâu kín của nó.

Chẳng hạn, “**nghe**” là một động từ có ti lệ kết hợp nghĩa bất thường cao với 17 lần xuất hiện, “nghe” không phải là “nghe” bằng tai mà là những ẩn dụ chỉ sự cảm nhận tinh tế của tâm hồn về tình người, tình đời và về chính con người tinh thần của mình:

- Sôi đá trông em từng giờ
Nghe buồn nhịp chân bơ vơ. (Biển nhớ)
- Ta ôm tình nặng trĩu
Nghe quanh đời mưa bão. (Yêu dấu tan theo)
- Nhìn những mùa thu đi
Em nghe sầu lên trong nắng
Và lá rụng ngoài song
Nghe tên mình vào quên lãng
Nghe tháng ngày chết trong thu vàng. (Nhìn những mùa thu đi)
- Đôi khi ta lắng nghe ta
Nghe sóng âm u dội vào đời buốt giá
Hồn ta gió cát phù du bay về.

(Ru tình)

Cũng như vậy, “**ru**” trong những kết hợp nghĩa bất thường không phải là “ru” mà là sự vỗ về, an ủi, âu yếm, sẽ chia với người tình, với cuộc đời và với bản thân mình:

- *Ru mãi ngàn năm*
Dòng tóc em buồn
Bàn tay em nắm ngón anh ru ngàn năm
(Ru em từng ngón xuân nồng)
- Những ngón tay ngại ngủ
Đã ru lại tình gần

(Tình nhớ)

- *Ru cho bay lá nhỏ*
Rụng đầy một mùa thu.

(Ru tình)

- *Ru đời đi nhé cho ta nương nhờ lúc thờ than*
Ru đời đi nhé, ôi môi ngon này giữa trần gian.

(Ru đời đi nhé)

- Xin ngủ trong vòng nôi
Ta ru ta ngâm ngủi

(Ru ta ngâm ngủi)

Đặc biệt có những động từ trong những kết hợp nghĩa bất thường không chỉ được chuyển nghĩa mà còn được dùng hết sức độc đáo, táo bạo đầy bất ngờ, thú vị, ví dụ các động từ như *chôn, chặn, nín, qua đời, trời trần, đựng, vây khốn, giết, phơi, rêu rao, vá khâu, lừa, đón*, v.v. trong các trường hợp sau đây:

- Có chút lệ nhòa trong phút hôn nhau
Có những vực bờ chôn theo tình đầu.
(Bay đi thăm lặng)
- Gọi trùng dương gió ngập hồn
Bàn tay chặn gió mưa sang

...

Trời cao *núi bước* sơn khê

(Biển nhớ)

- Mười năm chân bước trên đường dài

Gặp nhau không nói không nụ cười

Có một dòng sông đã *qua đời*.

(Có một dòng sông đã qua đời)

- Một lời *trối trăn*

Còn tìm thấy trong đôi mắt.

- Tay em vẫn còn *dựng* đời bão lên

...

Một ngày thấy em

Là đời bỗng đêm *vây khốn*.

(Tưởng rằng đã quên)

- Ai đã chia người mãi xa người

Ai *giết* đi tình đang lứa đôi.

(Còn ai với ai)

- Môi nào hãy còn thơm

Cho ta *phơi* cuộc tình.

(Ru ta ngâm ngùi)

- Tim nào có bình yên

Ta *rêu rao* đời mình

- Rời nhau hôm nào

Hồn mình như *vá khâu*.

(Tình sâu)

- *Lùa* nắng cho buồn vào mắt emBàn tay xanh xao *đón* ưu phiền.

(Nắng thủy tinh)

Như vậy, với cụm động từ, chủ yếu những kết hợp bất thường về nghĩa xảy ra khi các từ ngữ ở phần phụ sau chỉ các đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm) hoặc các đặc điểm, tính chất không phù hợp với hoạt động, trạng thái nêu ở động từ trung tâm, hiệu quả là làm cho động từ trung tâm được chuyển nghĩa, tạo ra những ý nghĩa mới lạ, thể hiện lối tư duy và cảm nhận vừa lạ lùng, vừa sâu sắc của Trịnh Công Sơn về tình yêu và cuộc đời.

2.3. Cụm tính từ

Trong phạm vi tư liệu khảo sát, chúng tôi tìm thấy 15 cụm tính từ bất thường về ngữ nghĩa. Trịnh Công Sơn tạo ra chúng theo hai cách:

- *Cách thứ nhất*: Kết hợp các phụ từ *chỉ mức độ (quá)* với những tính từ chỉ mức độ cao. Ví dụ: *quá vô vi, quá thênh thang*:

- Vườn năm xưa em đã đến

Nay trắng *quá vô vi*.

(Nguyệt ca)

- Người ngỡ đã xa xăm

Bỗng về *quá thênh thang*.

(Tình nhớ)

Hoặc kết hợp các phụ từ chỉ cách thức với các tính từ chỉ màu sắc Ví dụ:

- Tình như lá *bồng vàng, bồng xanh*.

(Tạ ơn)

- *Cách thứ hai*: kết hợp tính từ trung tâm với các từ ngữ không tương hợp về nghĩa ở phần phụ sau. Ví dụ: *xa tình đầy, xa lạc loài, xa nồng nàn, xa lạnh lùng, buồn chân, lưa thưa về, chùng đam mê*:

- Không *xa tình đầy* và cũng không *xa lạc loài*

Không *xa nồng nàn* và cũng không *xa lạnh lùng*.

(Đời cho ta thế)

- Tôi xin làm quán đọi, *buồn chân* em ghé chơi.

(Biết đâu nguồn cội)

- Lòng *chùng đam mê*.

(Tình xót xa vừa)

Trong những cụm tính từ in nghiêng trên, những tính từ trung tâm đều được chuyển nghĩa. Ví dụ: *bồng vàng, bồng xanh* ở trên chẳng hạn, hai tính từ trung tâm là *vàng, xanh* không còn chỉ màu sắc nữa mà chuyển sang chỉ các trạng thái đổi thay nhanh chóng của tình yêu, tình yêu mong manh và dễ mất giống như màu lá vậy. Hoặc trong *lòng chùng đam mê, chùng* không còn là một tính chất vật lí mà được chuyển nghĩa để chỉ sự hao vơi, sự mai một của tình yêu. Trịnh Công Sơn đã làm mới về mặt nghĩa cho những tính từ trên trong những kết hợp từ ngữ sáng tạo của mình.

3. Kết luận

3.1. Qua khảo sát ca từ của 232 ca khúc Trịnh Công Sơn ở bậc cụm từ, chúng tôi thấy Trịnh Công Sơn ít khi tuân theo những lối mòn truyền thống của cách dùng ngôn ngữ, ông thường xuyên làm mới ngôn ngữ ở mặt nội dung, ý nghĩa và khả năng kết hợp của nó qua những kết hợp bất thường về ngữ nghĩa trong các cụm từ.

Tác dụng của việc sử dụng những kết hợp bất thường này là rất lớn: nó tạo ra những hình ảnh, những biểu tượng độc đáo, giàu tính thẩm mỹ và giá trị nghệ thuật, thể hiện lối tư duy hình tượng đặc biệt, cảm xúc dồi dào, mãnh liệt, sâu sắc và khả năng sử dụng ngôn ngữ sáng tạo, tinh tế và tài hoa.

3.2. Vẫn với những nguyên liệu cũ (những từ ngữ có sẵn trong hệ thống) nhưng Trịnh Công Sơn, bằng những kết hợp táo bạo của những từ ngữ vốn thuộc về các trường nghĩa khác nhau, đã tạo nên những tầng ý nghĩa hết sức phong phú, mới lạ, giàu màu sắc siêu thực cho ca từ của mình để thể hiện những cảm xúc mãnh liệt và sâu sắc về tình yêu và thân phận con người. Trong thơ và nhạc nói chung, ít có người nào có được sự sáng tạo ngôn từ một cách đậm đặc và hấp dẫn như vậy. Những ca từ đẹp như hoa gấm và lạ lùng, độc đáo ấy lại được âm nhạc chấp cánh, hoà quyện cùng với giai điệu du dương, êm đềm của những nốt nhạc ballad trữ tình chính là điểm đặc biệt và hấp dẫn trong ca từ Trịnh Công Sơn. Hơn nữa, dường như Trịnh Công Sơn sáng tác ca từ trong cảm xúc và sự dẫn dắt của âm nhạc: Mỗi từ ngữ viết ra là một nốt nhạc ra đời, khi ca từ được viết xong cũng là lúc bản nhạc – ca khúc được hoàn thành. Theo chúng tôi, đó cũng chính là phong cách sáng tác độc nhất vô nhị của Trịnh Công Sơn trong những tình khúc của mình. Chính lối viết nhạc độc đáo này cùng với nội dung mang đầy tính nhân văn, nhân bản sâu sắc đã làm cho nhạc Trịnh có một chỗ đứng riêng vững chắc trong nền âm nhạc Việt Nam.

3.3. Nghiên cứu đặc điểm kết hợp bất thường của ca từ trong tình khúc Trịnh Công Sơn không chỉ giúp chúng ta thấy được phong cách sáng tác đặt lời ca trong tình khúc của Trịnh Công Sơn mà hơn thế nữa, ta còn thấy được một trong những cách làm giàu có, và làm phong phú của ngôn từ tiếng Việt. Các nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ có thể coi đây là một kiểu hình mẫu sáng tạo tiếng Việt để có thể thu hoạch được điều gì đó bổ ích trên con đường sáng tác xa tắp của mình.

Tài liệu tham khảo

I. Sách, tạp chí chuyên ngành

1. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (2003), *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tập 1), Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2004), *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tập 2), Nxb Giáo dục.
3. Đỗ Hữu Châu (1973), *Khái niệm “trường” và việc nghiên cứu hệ thống từ vựng*, Tạp chí Ngôn ngữ số 2.
4. Đỗ Hữu Châu (1974), *Trường từ vựng- ngữ nghĩa và việc dùng từ ngữ trong tác phẩm nghệ thuật*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4.
5. Đỗ Hữu Châu (1999), *Từ vựng- ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
6. R.Jakobson (2002), *Thơ của ngữ pháp và ngữ pháp của thơ*, Nxb Văn học.
7. Hoàng Trọng Phiến (2005) (chủ biên), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

II. Luận văn tốt nghiệp

8. Phạm Thị Hà (ĐHSPHN): “*Câu bắt thường về cấu trúc cú pháp và ngữ nghĩa trong thơ trữ tình*”, Luận văn thạc sĩ.
9. Lê Thu Hiền (ĐHSPHN): “*Quan niệm nhân sinh trong ca từ Trịnh Công Sơn*”, Luận văn thạc sĩ.
10. Nguyễn Thị Thanh Thuý (ĐH Quy Nhơn): “*Thân phận con người và tình yêu trong ca từ Trịnh Công Sơn*”, Luận văn thạc sĩ.

III. Sách nghiên cứu về âm nhạc

11. Dương Viết Á (2005), *Âm nhạc Việt Nam từ góc nhìn văn hoá* (2 tập), Nxb Hà Nội.
12. Dương Viết Á (2000), *Ca từ trong âm nhạc Việt Nam*, Viện Âm nhạc.
13. Nguyễn Thị Nhung (2007), *Hình thức thể loại âm nhạc*, Nxb ĐHSP.
14. Tô Ngọc Thanh (2007), *Ghi chép về văn hoá và âm nhạc*, Nxb KHXH.

IV. Ngữ liệu

15. Trịnh Công Sơn (1998), *Những bài ca không năm tháng*, Nxb Âm nhạc.
16. Phạm Văn Đình, *Thư mục bài hát Trịnh Công Sơn*, www.tcs – forum.org.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 13-06-2013)